

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 9 - 2017
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Vũ Thị Quỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Uy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm 1984

ĐKNHTT: Xóm 3, thôn L, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn T1, sinh năm 1981

ĐKNKTT: Xóm 3, thôn L, xã P, huyện K, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại đội 5, phân trại 4 Trại giam T2, thôn V, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trịnh Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 được hai bên gia đình tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán Việt Nam do hiểu biết pháp luật kém nên đến ngày 13/8/2012 mới thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 lười lao động, thường xuyên tụ tập bạn bè dẫn đến nghiện ma túy, tài sản trong gia đình anh T1 đều lấy đi để bán. Chị T có khuyên bảo nhưng anh T1 không nghe nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Năm 2015 anh T1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và hiện đang phải chấp hành án tại Trại giam T2. Nay bản thân chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Trịnh Tiến Đ, sinh ngày 07/11/2007 và Trịnh Thị Minh H, sinh ngày 19/6/2012. Do anh T hiện đang chấp hành án, nên chị T nhận nuôi cả hai con là Trịnh Tiến Đ và Trịnh Thị Minh H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Văn T1 vắng mặt, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của anh Trịnh Văn T1, thể hiện về thời điểm chung sống và hoàn cảnh lấy nhau giữa anh và chị Đinh Thị T là phù hợp với lời khai của chị T. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 nghiện ma túy và đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Nay chị T xin ly hôn anh, bản thân anh xác định còn tình cảm vợ chồng vẫn còn, không muốn hai con sau này phải khổ và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Về con chung anh và chị T có 02 con chung là Trịnh Tiến Đ, sinh ngày 07/11/2007 và Trịnh Thị Minh H, sinh ngày 19/6/2012 hiện anh đang phải chấp hành án và hai con đang ở với chị T. Về tài sản chung, công nợ anh và chị T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 16/8/2017, Tòa án nhân dân huyện K đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2017 (phiên tòa hồi 08 giờ ngày 31/8/2017) cho anh T1 nhưng do anh T1 hiện đang phải chấp hành án không tham gia phiên tòa (vắng mặt lần thứ nhất), Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2017 và ấn định phiên tòa mở hồi 08 giờ ngày 05/9/2017, Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Trịnh Văn T1 theo quy định của pháp luật. Như vậy anh Trịnh Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt do anh T1 hiện đang chấp hành án tại Trại giam T2.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh T1, các biên bản xác minh mà Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tại chính quyền địa phương theo đơn đề nghị của nguyên đơn. Nội dung các biên bản đều thể hiện trong quá trình chung sống chị T và anh T1 có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T1 lười lao động, tụ tập, đàn đúm theo bạn bè xấu rồi sa chân vào con nghiện ma túy. Nay chị T xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy: Chị Đinh Thị T và anh Trịnh Văn T1 mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, yêu cầu của chị T phù hợp với quy định của pháp luật nên áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn anh T1; về con chung: Giao 02 con chung là Trịnh Tiến Đ, sinh ngày 07/11/2007 và Trịnh Thị Minh H, sinh ngày 19/6/2012 cho chị T nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T và anh T1 tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện K nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trịnh Văn T1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Trịnh Văn T1 lấy nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2005 nhưng do hiểu biết pháp luật kém đến ngày 13/8/2012 anh,

chị mới đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Như vậy hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cương quyết xin ly hôn, anh T1 khẳng định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng anh còn tình cảm với chị T và xin đoàn tụ với chị T. Quá trình thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương và đại diện của gia đình anh T đều thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T1 không chịu làm ăn chỉ ham mê chơi bời, tụ tập bạn bè và mắc vào tệ nạn nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải xong không có kết quả. Thực tế anh T1 đã từng bị bắt đi chấp hành án một lần và chị T đã cho cơ hội vì hai con lúc đó còn nhỏ. Sau khi chấp hành án xong, anh T1 trở về xã hội không chịu cải tạo mà tiếp tục phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1 để ổn định cuộc sống và sinh hoạt mới. Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn của chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Trịnh Văn T1.

[3] Về con chung: Giao hai con chung là Trịnh Tiến Đ, sinh ngày 07/11/2007 và Trịnh Thị Minh H, sinh ngày 19/6/2012 cho chị T nuôi vì chị T có công việc, thu nhập và chỗ ổn định. Điều này phù hợp với đề nghị của gia đình anh T1, đại diện chính quyền địa phương; phù hợp với nguyện vọng của cháu Trịnh Tiến Đ và phù hợp quy định của pháp luật tại các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị T và anh Trịnh Văn T1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58 và Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị T và anh Trịnh Văn T1.

2. Về con chung: Giao hai con là Trịnh Tiến Đ, sinh ngày 07/11/2007 và Trịnh Thị Minh H, sinh ngày 19/6/2012 cho chị T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T và anh T1 tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA.0006090 ngày 06/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng; chị Đinh Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Đinh Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Trịnh Văn T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện K;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang

